

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày 30 - 12 - 2020
V/v tranh chấp Đòi tài sản (Tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H , TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đoàn Hùng Tự
2. Ông Nguyễn Văn Biện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/10/2020, ngày 12/11/2020 và ngày 30/12/2020, tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2020/TLST- DSTC ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Đòi tài sản (Tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19/2020/QĐST-DSTC ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 24/QĐ-ST ngày 12/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L. Địa chỉ: Xóm 14 xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Xuân Bé. Địa chỉ. SN 06 ngõ 258 đường Lý Tự Trọng, tổ 1 phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Bà Xin Thị B. Địa chỉ: Khu tái định cư, thôn C, xã P1, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Ông Ngô Trung Kiên - Luật sư của văn phòng Luật sư Gia Long. Địa chỉ: SN 283 đường Nguyễn Thái Học, phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ HND tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T - Phó chủ tịch HND tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị V. Địa chỉ: SN 260 đường N, tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Chức vụ: Trưởng ban Kinh tế - Xã hội HND tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 /7/2020; bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: Năm 2011 ông được biết HND tỉnh Hà Giang (Sau đây gọi tắt là HND) được Trung ương hội thông báo có dự án xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, khi đó bà Xin Thị B làm chủ tịch HND tỉnh là cơ quan được giao làm chủ đầu tư. Công ty TNHH Hà Châu (Sau đây gọi tắt là Công ty) do ông làm giám đốc có dự kiến đăng ký tham gia để thực hiện đấu thầu dự án này. Theo gợi ý của bà B Công ty nên ứng vốn để bà B là chủ đầu tư có điều kiện giải quyết những vấn đề cần thiết và làm các thủ tục ban đầu hỗ trợ dự án sớm được hoàn thiện để được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bà Xin Thị B đã cho ông số tài khoản cá nhân của bà để Công ty chuyển tiền hỗ trợ làm thủ tục, vì dự án chưa được khởi động nên không có hợp đồng, không lập văn bản thoả thuận gì giữa bà B - Chủ tịch HND với Công ty, nên việc giao dịch chỉ thông qua cá nhân với cá nhân. Ông đã đứng tên cá nhân để chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Xin Thị B (Theo thoả thuận bằng lời nói). Trong thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 6/2015 ông đã chuyển tiền vào tài khoản của bà B với số tiền là 455.000.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Do bà B được thông báo nghỉ chế độ hưu trí và dự án chưa được phê duyệt chính thức, một số hạng mục được thực hiện thì bà B không để cho Công ty được tham gia thi công, dự án xây dựng trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân cũng đã bị dừng lại. Bà B không thực hiện được các thoả thuận với ông, hơn nữa điều kiện tài chính của công ty gặp rất nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ không hiệu quả nên ông đã chính thức thông báo cho bà B v/v rút không tham gia đấu thầu dự án nói trên và đề nghị bà B hoàn trả lại cho ông số tiền do ông với tư cách cá nhân đã ứng trước vào tài khoản cá nhân của bà B để ông trang trải những khó khăn. Tháng 5/2018 bà B đã chuyển trả lại cho ông số tiền 200.000.000đ, đến nay còn số tiền 255.000.000 bà B chưa trả cho ông, vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông trong việc sở hữu tài sản, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà B phải trả cho ông số tiền trên, không yêu cầu bà B phải trả lãi.

* Theo bản tự khai ngày 10/8/2020; biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Xin Thị B trình bày: Năm 2010 Trung ương HND Việt Nam có đề án trình chính phủ xin kinh phí xây dựng các trung tâm dạy

nghề và hỗ trợ nông dân cho 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. HND đã xây dựng đề án trình UBND tỉnh Hà Giang và xin chủ trương của ban thường vụ tỉnh uỷ, được sự nhất trí của thường trực tỉnh uỷ và UBND tỉnh giao cho HND tỉnh tìm địa điểm để xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân. Khi đó do chưa tìm được địa điểm, chưa xây dựng được đề án xây dựng trung tâm nên chưa thành lập Ban quản lý dự án, chưa có hồ sơ thủ tục để lập tài khoản giao dịch của dự án nên chưa có cơ sở để được cấp vốn. Thời điểm đó bà Nguyễn Thị V là Phó văn phòng tỉnh uỷ Hà Giang có nhiều lần gọi điện thoại cho bà và trực tiếp gặp bà để đề nghị đăng ký cho Công ty TNHH Hà Châu được tham gia dự án, chứ bà không làm việc trực tiếp với ông L. Lúc đó bà đã trả lời bà V là dự án này do Trung ương HND làm chủ đầu tư, HND tỉnh chỉ là đơn vị thừa uỷ quyền thực hiện, đồng thời lúc đó mới chỉ đang khảo sát, tìm địa điểm để xây dựng hồ sơ trình trung ương xem xét phê duyệt, khi nào được trung ương duyệt sẽ thông báo các đơn vị dự thầu theo đúng luật. Lúc đó bà Nguyễn Thị V có nói bằng lời với bà và đề nghị bà giúp, tạo điều kiện cho Công ty Hà Châu do ông Nguyễn Hữu L làm giám đốc được tham gia thực hiện dự án. Đến khi tìm được địa điểm tại thôn T, xã P1, thành phố H, HND đã tiến hành các thủ tục xin cấp đất và xây dựng đề án trình Trung ương HND phê duyệt, thời gian đó gặp rất nhiều khó khăn phải tổ chức họp dân rất nhiều lần để bàn về việc đền bù cây cối, di chuyển mồ mã, nơi chuyển mồ mã đến, đi lại phê duyệt đề án với trung ương hội, tốn rất nhiều thời gian và cũng khó khăn về kinh phí. Lúc này bà Nguyễn Thị V cũng thúc giục HND cố gắng tiến hành khẩn trương để còn xin vốn trung ương đầu tư, bà V có gọi điện thoại cho bà nói là nếu có khó khăn thì công ty Hà Châu sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để cho HND tỉnh giải quyết các vấn đề cần thiết như: 02 hộ cho đất để chuyển mồ mã đến chôn, giải phóng mặt bằng, xã thì vận động hiến đất nhưng 2 hộ không cho mà đề nghị HND phải hỗ trợ mới cho đất. Lúc đó bà V nói với bà để Công ty Hà Châu sẽ hỗ trợ kinh phí nhưng bà đã trả lời bà V là cơ quan chưa có Ban quản lý dự án, chưa mở tài khoản giao dịch nên bà Nguyễn Thị V đồng ý là cho tài khoản của cá nhân bà cũng được, bà V không yêu cầu khi HND nhận tiền hỗ trợ của công ty Hà Châu thì phải có giấy tờ thủ tục để quyết toán với công ty, chỉ nói miệng là hỗ trợ giải quyết công việc, bà V còn nói là HND cố gắng lo giải quyết các công việc trên này còn đi trung ương là Công ty Hà Châu sẽ lo, nên HND (cá nhân bà B) đã tiếp nhận số kinh phí mà công ty Hà Châu chuyển qua tài khoản của bà. Nhưng việc chi phí thì bà đều thông báo cho công ty Hà Châu là bà V, ông L được biết như là: Phải trả cho các hộ dân hiến đất di chuyển mồ mã, đi xuống xã tổ chức họp dân, đi trung ương... bà đều thông tin và được sự đồng ý của ông L thì công ty mới chuyển tiền. Bà xác nhận tổng số lần nhận tiền của ông L chuyển qua tài khoản cá nhân của bà là 13 lần với số tiền là 455.000.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng). HND (cá nhân bà) đã chuyển trả lại công ty Hà Châu là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) vào năm 2018. Còn số tiền 255.000.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), bà cho rằng số tiền này là do công ty Hà Châu, ông L tự nguyện hỗ trợ cho nên bà đã chi trả cho 2 hộ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V hết 200.000.000đ (Hai hộ này không thuộc diện được đền bù theo Quyết định số 4850 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án), còn

55.000.000đ bà đã chi phí cho việc đi họp dân ở thôn, xã, đi trung ương làm việc (*Theo bảng kê bà đã kê và nộp cho Toà án*). HND và cá nhân bà không phải trả lại, bà đề nghị bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Hữu L phải có trách nhiệm vì đã thống nhất nội dung chi hỗ trợ cho các phần việc cần thiết để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân. HND đã triển khai thực hiện xong phân giải phóng mặt bằng và đã hoàn thành nhưng dự án lại không được thực hiện do Chính Phủ quyết định dừng lại các dự án này.

Việc ứng vốn ban đầu là phía nguyên đơn có nhờ bà khi đó bà đang là Chủ tịch HND; ông L tự nguyện chuyển tiền vào tài khoản của bà còn trách nhiệm của bà đã thực hiện các thủ tục để hồ sơ của bên nguyên đơn sớm được hoàn thiện theo thỏa thuận với nhau. Việc thỏa thuận giữa hai bên đều chỉ bằng miệng không có giấy tờ gì, sau khi dự án không được thực hiện, bà đã hoàn trả lại số tiền 200.000.000đ cho ông L, số tiền còn lại 255.000.000đ là tiền bà đã chi để thực hiện các thủ tục ban đầu và ông L nhất trí ứng vốn để nhờ bà hỗ trợ cho các hộ dân, lấy đất di chuyển mô mã theo thỏa thuận, do vậy bà không nhất trí với khởi kiện của ông L. Việc ông L nhờ bà đã thực hiện xong nên ông L, bà V phải chịu trách nhiệm với số tiền đó.

** Tại Công văn số 793/CV/HND ngày 10/9/2020 v/v trả lời các nội dung liên quan đến vụ việc dân sự của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan HND tỉnh Hà Giang trình bày:*

1. Liên quan đến việc giải phóng mặt bằng, xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân: Năm 2011 TW HND Việt Nam ban hành QĐ số 774/HNDTW, ngày 31/7/2012 v/v phê duyệt đề án xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc HND tỉnh Hà Giang, theo đó để có mặt bằng cho việc xây dựng trung tâm, HND đã xây dựng dự án và ngày 21/5/2013 được UBND tỉnh Hà Giang ra thông báo số 89/TB-UBND v/v thu hồi đất để xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tại thôn Tiến Thắng, xã P1, thành phố H với tổng diện tích 9.324m², trong đó giao nhiệm vụ cho HND phối hợp với Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố H lập phương án thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật. Ngày 16/12/2013 UBND thành phố H ban hành quyết định số 4850/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - HND tỉnh Hà Giang, trong đó tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 846.779.375VNĐ cho các hạng mục hỗ trợ cụ thể như: Kinh phí bồi thường về đất; cây cối, hoa màu; tài sản, vật kiến trúc; chính sách hỗ trợ; thẩm định bồi thường; hội đồng thẩm định. Nguồn kinh phí này HND tỉnh đã phối hợp với Hội đồng bồi thường để bồi thường, hỗ trợ tái định cư thành phố H thực hiện chi trả đầy đủ theo quy định (*có văn bản kèm theo*).

2. Về nội dung liên quan đến Công ty TNHH Hà Châu do ông Nguyễn Hữu L là giám đốc: Ngày 19/3/2019 HND tỉnh đã nhận được văn bản số 17/CV-CT, ngày 09/3/2019 của Công ty v/v "Đề nghị giải quyết vốn ứng công ty đã đầu tư" và HND tỉnh đã có công văn số 652-CV/HNDDT, ngày 20/5/2020 v/v phúc đáp văn bản số 17/CV-CT của công ty, theo đó HND cũng khẳng định: Cơ quan HND tỉnh Hà Giang không ban hành bất kỳ văn bản nào của HND tỉnh v/v đề nghị hoặc thỏa thuận với công ty TNHH Hà Châu ứng vốn hoặc hỗ trợ chuyển tiền cho cơ quan HND tỉnh

Hà Giang để thực hiện việc giải phóng mặt bằng xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân. Đối chiếu trên các tài khoản tiền gửi, quỹ tiền mặt của cơ quan cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc Công ty Hà Châu đã chuyển tiền cho cơ quan HND tỉnh Hà Giang, việc thực hiện các nội dung liên quan đến tiền của công ty HND cũng không lưu giữ bất kỳ chứng từ nào. Vì vậy cơ quan HND không có căn cứ để làm việc với công ty và hoàn lại số tiền 255.000.000đ theo đề nghị của Công ty (*có văn bản kèm theo*).

3. Về ý kiến của đ/c Xin Thị B - nguyên chủ tịch HND tỉnh Hà Giang cho biết: Trước đây khi nghe thông tin chuẩn bị xây dựng trung tâm dạy nghề, công ty Hà Châu đã liên hệ với đ/c B và xin được tự nguyện thực hiện hỗ trợ thêm kinh phí (ngoài hạng mục và kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trong dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) cho một số hộ gia đình để hỗ trợ công tác di dời các phần mộ gia đình trên nền đất cấp cho Hội xây dựng trung tâm đến nơi chôn mới. Phần việc này công ty Hà Châu nhờ đ/c Xin Thị B thực hiện và sau khi hoàn thành đ/c B đã gửi cho công ty các giấy tờ, chứng từ liên quan.

4. Về quan điểm của HND: Đây là vụ án dân sự giữa công ty TNHH Hà Châu, cá nhân ông Nguyễn Hữu L với đ/c Xin Thị B và không có tài liệu nào chứng minh liên quan đến HND tỉnh Hà Giang.

* *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:* Bà và bà Xin Thị B có mối quan hệ quen biết nhau trong thời gian còn công tác. Vào khoảng cuối năm 2011 đầu năm 2012 khi bà còn làm ở văn phòng tỉnh uỷ, bà B đang là chủ tịch HND tỉnh Hà Giang, qua những lần gặp gỡ công việc với bà B bà được biết Trung ương HND có dự án xây dựng các trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân ở các tỉnh, thành phố trong đó có Hà Giang. Bà có nghe bà B nói là Trung ương HND giao cho HND tỉnh Hà Giang làm chủ đầu tư, tiến hành tìm mặt bằng để đề nghị tỉnh phê duyệt dự án. Do bà có quen biết với ông Nguyễn Hữu L là giám đốc công ty TNHH Hà Châu đang có nhu cầu tìm dự án, tìm việc làm cho công ty nên khi biết được thông tin có dự án như vậy thì bà có giới thiệu cho ông L đến gặp bà Xin Thị B để liên hệ xin tham gia dự thầu thực hiện các hạng mục của dự án. Sau đó ông L đã trực tiếp đến gặp bà B để liên hệ công việc, còn cụ thể giữa ông L bà B trao đổi, thống nhất với nhau như thế nào thì bà không được biết. Ông L chuyển bao nhiêu lần và số tiền chuyển là bao nhiêu bà cũng không được biết. Có một lần vào ngày 24/7/2012 ông L có nhờ ông Tiến (*là nhân viên của ông L*) chuyển tiền cho bà B nhưng do ông Tiến bận công việc không đi chuyển được nên đã nhờ bà chuyển giúp vào tài khoản của bà B số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), số tiền này là tiền gì bà không được biết và giữa bà với ông L không có vướng mắc gì với nhau về số tiền này nên bà không có yêu cầu đề nghị gì, bà cho rằng bà không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến vụ việc, giữa ông L với bà B thoả thuận hay làm ăn gì với nhau bà hoàn toàn không biết, ông L khởi kiện bà B với tư cách cá nhân không liên quan gì đến bà. Vì vậy bà xin từ chối tham gia tố tụng, xin phép được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/8/2020, bà Xin Thị B và ông Nguyễn Hữu L đã thống nhất thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, Toà án đã lập biên bản hoà giải thành. Tuy nhiên trong thời hạn 7 ngày bà Xin Thị B có ý kiến thay đổi không nhất trí với nội dung hoà giải ngày 13/8/2020, bà B cho rằng số tiền 255.000.000đ ông L đã chuyển cho bà và nhờ bà (*bằng miệng*) để đàm phán với các hộ dân có phần mộ trên đất di chuyển ra khỏi vị trí khu đất UBND tỉnh giao xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, bà đã liên hệ với hai hộ dân và họ đồng ý để bà mua đất để di chuyển mộ đến chôn. Bà đã trao đổi với ông L và ông L đồng ý chuyển tiền, bà đã mua đất hết 200.000.000đ và thực hiện xong việc di chuyển mộ ra khỏi vị trí dự án, còn 55.000.000đ bà đã chi phí hết cho việc đi họp dân ở thôn, xã, đi về trung ương làm việc. Nên bà không nhất trí trả lại cho ông L số tiền này, đồng thời bà cung cấp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ là: 04 Giấy nhận tiền của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và Bảng kê nội dung chi phục vụ.

Ngày 27/8/2020 ông Nguyễn Hữu L có đơn đề nghị với nội dung: Do bà B không nhất trí với kết quả hoà giải ngày 13/8/2020 nên ông đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, buộc bà Xin Thị B phải trả cho ông toàn bộ số tiền là 255.000.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Xin Thị B phải trả lại cho ông toàn bộ số tiền còn lại là 255.000.000đ. Do bà B lúc đó là chủ tịch HND, là một lãnh đạo cơ quan nên khi bà gợi ý v/v chuyển tiền để bà lo thủ tục ban đầu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án thì công ty của ông sẽ được tham gia và có việc làm nên ông đã rất tin tưởng chuyển tiền theo yêu cầu của bà B, việc bà B sử dụng số tiền ông đã chuyển như thế nào ông không biết, bà B không hề gọi điện thoại trao đổi gì với ông về việc bà đã chi phí những gì, nay dự án không được thực hiện như bà B đã hứa hẹn với ông nên ông yêu cầu bà B phải trả lại toàn bộ số tiền mà ông đã chuyển, khi ông có đơn gửi đến HND yêu cầu bà B phải trả lại tiền thì bà B đã chuyển trả cho ông được 200.000.000đ. Số tiền còn lại bà B cứ khất lãn, hứa hẹn với ông nhưng bà không trả, đến bây giờ thì bà lại bảo là ông và bà V phải chịu chứ bà không trả lại nên ông không nhất trí, ông không có yêu cầu gì với bà Nguyễn Thị V vì bà V chỉ là người giới thiệu ông với bà B còn mọi việc thoả thuận cũng như giao dịch, chuyển tiền là ông trực tiếp làm việc với bà B. Ông thừa nhận là mình cũng có một phần lỗi trong việc dự án chưa có kế hoạch thực hiện cụ thể, chưa biết chắc chắn công ty mình có được tham gia dự án hay không mà ông đã tin tưởng chuyển tiền cho bà B và sau những lần chuyển tiền ông đã không sát sao để kiểm tra xem bà B đã làm những công việc gì, có hợp lý hay không nên ông tự nguyện chịu một phần lỗi, ông tự nguyện chịu số tiền 60.000.000đ đã chuyển cho bà B, còn lại 195.000.000đ ông yêu cầu bà B phải trả cho ông.

Bị đơn bà Xin Thị B trình bày: Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông L vì thực tế bà đã chi trả cho hai hộ dân để mua đất là hộ bà Nguyễn Thị V, hộ ông Nguyễn Văn T tại thôn Tiến Thắng, xã P1, thành phố H số tiền 2 đợt là 200.000.000đ, bà đã cung cấp cho Toà án các giấy nhận tiền của hai hộ này làm bằng chứng và bà đã có bảng kê chi phí khi bà đi làm việc thay cho ông L, số tiền

chi phí là 55.000.000đ. Do vậy bà không chấp nhận yêu cầu của ông L buộc bà phải trả số tiền 255.000.000đ. Bà cũng thừa nhận lỗi của mình trong việc đã nhận tiền của ông L thông qua tài khoản cá nhân của mình khi dự án chưa chính thức được triển khai thực hiện, tuy nhiên số tiền bà đã chi là thực tế, bà đề nghị ông L xem xét chịu cho bà số tiền là 200.000.000đ, bà sẽ trả lại cho ông L số tiền 55.000.000đ.

Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện HND tỉnh Hà Giang trình bày: Việc ông L và bà B giao dịch với nhau với tư cách cá nhân nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông L đã thoả thuận như thế nào với bà B thì cũng đề nghị ông L xem xét trách nhiệm của mình, cùng chia sẻ với bà B những chi phí mà bà B đã giúp ông L để bà B đỡ thiệt thòi.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà có được biết việc bà B đã giúp cho công ty Hà Châu, cụ thể vào tháng 10/2013 khi đó bà đang là Chánh văn phòng HND tỉnh, bà có được tham gia cùng với đại diện xã P1, đại diện thôn Tiến Thắng, bà Nguyễn Thị Thu H (*Kế toán HND*), ông Nguyễn Văn T (*Phó chủ tịch HND khi đó*) cùng với cả bà B (*là chủ tịch HND*) trực tiếp xuống xã P1 để chi tiền cho 2 hộ là bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T, với số tiền chi trả cho 2 đợt là 200.000.000đ. Bà B nói là đi chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân để lấy đất di chuyển mồ mả từ khu vực dự án ra đó chôn để lấy mặt bằng thực hiện dự án, bà B nói là làm giúp cho một công ty, sau này bà B có nói là ông L khởi kiện bà B để đòi tiền thì bà mới biết là công ty Hà Châu và mới biết ông L chứ khi đi chi trả tiền cho bà V, ông T bà cũng không biết là chi tiền gì, tiền của ai. Bà B nhờ hộ chi và bà B có đi cùng nhưng không ai ký vào giấy nhận tiền chỉ có bà V, ông T ký nhận sau đó xã có xác nhận.

Tại các phiên tòa HĐXX đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng ông L và bà B không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau phần thủ tục hỏi và tranh luận tại phiên toà xét thấy cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. HĐXX đã chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND thành phố H, Quyết định tạm ngừng phiên toà theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 259 BLTTDS.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của VKSND thành phố H và quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

* Đại diện VKSND thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại phiên toà vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, nhưng bà V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của BLTTDS; Điều 166

BLDS 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc Đòi tài sản (tiền) của ông Nguyễn Hữu L: Buộc ông L phải chịu một phần lỗi tương ứng với số tiền 100.000.000đ. Buộc bà Xin Thị B phải trả lại cho ông L số tiền 155.000.000đ.

- Về án phí: Bà B, ông L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L khởi kiện bà Xin Thị B, về việc yêu cầu đòi tài sản (Tiền), bà Xin Thị B có địa chỉ thường trú tại thôn C, xã P1, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Do đó HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[3] Đối với đề nghị của đại diện VKSND thành phố H về việc đưa bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã ra Thông báo v/v đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, giao Thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V. Tuy nhiên ông T, bà V đã có Đơn trình bày ý kiến và đề nghị từ chối tham gia tố tụng, xin vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến, đề nghị gì. HĐXX xét thấy bà V, ông T thừa nhận có được nhận số tiền 200.000.000đ để giao đất cho HND di chuyển mồ mã từ khu đất dự án đến chôn và nay được sử dụng làm nghĩa trang thôn là thực tế. Ông L, bà B cũng không có yêu cầu, tranh chấp gì đối với bà V và ông T, việc xét xử của Tòa án đối với vụ án này không làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà V, ông T. Do vậy HĐXX không xác định ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, cùng địa chỉ tại: Thôn Tiến Thắng, xã P1, thành phố H, tỉnh Hà Giang là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu L có yêu cầu đòi bà Xin Thị B phải trả lại số tiền ông L đã chuyển vào tài khoản cá nhân cho bà B để thực hiện công việc giải phóng mặt bằng đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, để công ty Hà Châu được tham gia thi công nhưng bà B không thực hiện đúng theo thoả thuận nay ông L yêu cầu bà B phải trả lại số tiền ông L đã chuyển vào tài khoản cá nhân cho bà B. Do đó HĐXX xác định đây là tranh chấp Đòi tài sản (Tiền) theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L yêu cầu bà Xin Thị B phải trả cho ông số tiền 255.000.000đ bà B chưa trả lại cho ông và không yêu cầu tính lãi suất, chứng cứ nguyên đơn đưa ra là các chứng từ chuyển tiền trong

khoảng thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 6/2015, ông L đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Xin Thị B 13 lần với tổng số tiền là 455.000.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng), ngày 10/5/2018 bà B đã chuyển trả lại cho ông L số tiền 200.000.000đ. Bà B xác nhận số tiền bà đã nhận của ông L qua tài khoản của cá nhân bà 13 lần với tổng số tiền là 455.000.000đ, bà đã chuyển trả lại cho ông L số tiền 200.000.000đ như ông L đã trình bày là đúng. Do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[6] Đối với số tiền còn lại là 255.000.000đ bà B cho rằng bà đã chi trả hộ ông L cho 2 hộ dân là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V để mua đất di chuyển mồ mả từ khu dự án sang chôn là 200.000.000đ, khi đi vận động hai hộ dân này bà có gọi điện thoại trao đổi với ông L về số tiền phải chi trả được ông L nhất trí và chuyển tiền để bà đi trả cho 2 hộ. Tuy nhiên bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh v/v bà đã thực hiện công việc đó là thực hiện thay cho ông L mà chỉ cung cấp được tài liệu, chứng cứ là 04 giấy nhận tiền (BL 40-43). Kết quả xác minh ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và đại diện UBND xã P1, đại diện thôn Tiên Thắng ông Nguyễn Văn K cũng xác nhận tiền hộ ông T, bà V đã nhận là thực tế, tuy nhiên là tiền gì, do ai chi trả thì họ đều không biết chính xác (BL 125-126). **Do vậy việc bà B khai rằng khi chi tiền cho 2 hộ dân bà V và ông T bà đã gọi điện thoại trao đổi với ông L được sự nhất trí và ông L đã chuyển tiền để bà đi chi là không có cơ sở, đối chiếu với các giấy chuyển tiền của ông L cũng không có khoản nào khớp với số tiền bà B khai đã chi cho 2 hộ dân về thời gian và số tiền.**

[7] Ông L phản đối không chấp nhận lý do bà B đưa ra, ông cho rằng ông không biết bà B đã chi trả những khoản gì, mục đích của việc chi trả đó là gì nên bà B phải chịu trách nhiệm với việc làm của mình. Toà án cũng đã tiến hành xác minh, cụ thể: Theo Biên bản xác minh ngày 22/10/2020; ngày 28/10/2020 đối với 2 hộ dân là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V (BL 106-107) và Đơn đề nghị ngày 22/12/2020 của ông T, bà V (BL 122-123) họ đều xác nhận là đã nhận tiền bồi thường của HND số tiền là 200.000.000đ, mỗi hộ nhận theo 2 đợt, mỗi đợt là 50.000.000đ/1 hộ, lý do nhận tiền là đền bù cây cối, hoa màu để hiến đất cho xã làm nghĩa trang thôn, người bồi thường cho họ là HND tỉnh Hà Giang ngoài ra họ không biết ông L, bà B, bà V là ai. Như vậy quan điểm bà B cho rằng ông L, bà V có lỗi và phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền 200.000.000đ bà đã chi cho 2 hộ bà V, ông Thái là không có cơ sở.

[8] Đối với số tiền 55.000.000đ bà B cho rằng bà đã chi phí cho việc đi vận động họp thôn, họp xã và chi phí đi về trung ương để lo thủ tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân nên ông L phải chịu trách nhiệm với số tiền này là không có căn cứ, bởi lẽ bà B không chứng minh được lý do gì ông L phải chịu khoản chi phí đó, trong khi chứng từ thanh toán được bà B kê bằng bản viết tay (BL 38-39) là không đảm bảo các quy định của pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự.

[9] Cả hai bên đương sự đều cho rằng mục đích ông L chuyển tiền cho bà B là để bà B lo thủ tục ban đầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và đảm bảo công ty

ông L sẽ được tham gia vào các hạng mục dự án xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân, tuy nhiên bà B đã không thực hiện được, sau đó bà B đã được Thông báo nghỉ chế độ hưu trí và dự án cũng bị dừng lại, khi ông L có yêu cầu đòi lại tiền thì bà B đã chuyển trả cho ông L 200.000.000đ. Do đó xác nhận việc ông L đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà B là thực tế, bà B không có tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho phản đối của mình là có căn cứ, bà B chỉ khai là bà đã hộ ông L chi phí các khoản bằng giấy viết tay, không chứng minh được các nội dung đã thoả thuận với ông L và trách nhiệm của các bên khi tham gia giao dịch. Mặt khác tại Biên bản hoà giải ngày 13/8/2020 bà B đã nhất trí thoả thuận với ông L v/v trả lại cho ông L số tiền 200.000.000đ và đề nghị ông L hỗ trợ cho bà số tiền 55.000.000đ, nhưng sau đó bà đã có ý kiến thay đổi không nhất trí thoả thuận với ông L. Xét thấy bà B đã không thực hiện đúng với những thoả thuận giữa bà và ông L, không chứng minh được những phản đối của mình là có căn cứ thuyết phục, lời khai mâu thuẫn không thống nhất do đó không có cơ sở để cho rằng ông L có biết và nhất trí với việc bà B chi trả tiền cho hai hộ dân là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và buộc ông L phải chịu toàn bộ số tiền bà đã chi là 200.000.000đ.

[10] Tại phiên toà ông L cũng tự nhận trách nhiệm của mình trong quá trình thực hiện những thoả thuận với bà B. Ông cũng có lỗi đã thoả thuận những nội dung công việc với bà B khi dự án chưa có kế hoạch thực hiện và khi chuyển tiền cho bà B ông cũng không kiểm tra xem bà B đã sử dụng tiền của mình vào những nội dung gì và thực hiện công việc đến đâu để kịp thời khắc phục những hành vi vượt quá của bà B. Do đó ông L tự nguyện chịu một phần lỗi, ông đồng ý hỗ trợ cho bà B số tiền 60.000.000đ, yêu cầu bà B phải trả cho ông số tiền 195.000.000đ. Xét thấy sự tự nguyện của ông L là phù hợp, tuy nhiên HĐXX xét thấy thoả thuận trong giao dịch này của ông L và bà B đều không đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về giao dịch dân sự, do đó xác định cả ông L và bà B đều có lỗi và cùng phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả xảy ra là phù hợp.

[11] Trong vụ án này xét thấy HND tỉnh Hà Giang; bà Nguyễn Thị V; ông Nguyễn Văn Thái không có liên quan gì về quyền và nghĩa vụ. Ông L không có yêu cầu, đề nghị gì đối với những người này. Do đó HĐXX không xem xét trách nhiệm của HND, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn T.

[12] Đối với yêu cầu của bà B buộc bà Nguyễn Thị V (*nguyên là chánh văn phòng tỉnh uỷ Hà Giang*) phải cùng ông L liên đới chịu trách nhiệm về số tiền ông L đã chuyển cho bà. HĐXX xét thấy các giao dịch chuyển tiền đều do ông L là người trực tiếp chuyển hoặc nhờ người khác chuyển vào tài khoản cá nhân của bà B, ông L và bà B đều xác nhận đã thoả thuận về việc ông L chuyển tiền để bà B thực hiện việc lo thủ tục thực hiện dự án nhưng bà B không thực hiện được theo thoả thuận nên ông L yêu cầu bà B trả lại tiền, ông L không có yêu cầu khởi kiện đối với bà V và bà B không cũng không có yêu cầu phản tố nên HĐXX không có căn cứ xem xét trách nhiệm của bà V. Nếu bà B, ông L có yêu cầu đối với trách nhiệm của bà Nguyễn Thị V thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[13] Căn cứ vào những nhận định nêu trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông L phải chịu số tiền 100.000.000đ (*Một*

trăm triệu đồng) tương ứng với mức độ lỗi của mình; Buộc bà B phải có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 155.000.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các bên.

[14] Đề nghị của đại diện VKSND thành phố H, tỉnh Hà Giang là phù hợp nên cần chấp nhận.

[15] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[16] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 100.000.000đ; Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 155.000.000đ.

[17] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166 BLDS 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L đối với bị đơn bà Xin Thị B về Tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền).

Ông L phải chịu một phần lỗi tương ứng với số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Buộc bà Xin Thị B phải trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 155.000.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: Bà Xin Thị B phải chịu 7.750.000đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Hữu L phải chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*), đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0002200 ngày 13/7/2020 (*ông Cao Xuân Bé nộp thay*). Trả lại cho ông Nguyễn Hữu L số tiền dự phí chênh lệch là 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho ông L, bà B, Đại diện HND tỉnh Hà giang có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Mỹ Lệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mỹ Lệ

